

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Lê Đức T, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H chung sống năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyền số 01/2015 do Ủy ban

nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 3 năm 2015. Hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn quan tâm, lo lắng cho nhau nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh Tg và chị H có 01 con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2015. Con chung hiện nay đang chung sống với anh T tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chị H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H.

Theo biên bản xác minh ngày 04 tháng 7 năm 2022, Công chức Tư pháp xã T, huyện B cung cấp như sau: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ địa phương, tổ chức, đoàn thể can thiệp giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Lê Đức T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Tại phiên Tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H, quá trình sống chung có mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Đức T khởi kiện chị Nguyễn Thị H, yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Lê Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn chị H do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho

nhau, không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Có cơ sở xác định anh T, chị H vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2015. Anh T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Quá trình tố tụng, cháu P có nguyện vọng được sống chung với anh T. Xét, anh T có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

#### **1. Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đức T đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2015 cho anh Lê Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Đức T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009179 ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Tuyết**